

Bản án số: 228/2024/DS-ST  
Ngày: 31-7-2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Minh Tuấn
- Ông Danh Riêng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Hồng C, sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G.

*Bị đơn:* Chị Lưu Thị Trúc G, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Hồng C trình bày: vào ngày 26/9/2022, bà có cho chị Lưu Thị Trúc G vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng với hình thức trả góp mỗi tháng là 4.950.000 đồng, góp trong vòng 12 tháng. Sau 02 tháng, chị G tiếp tục hỏi thêm 5.000.000 đồng, lấy 2 lần là 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chị G hỏi vay của bà là 60.000.000 đồng gốc. Nhưng từ khi hỏi vay cho đến nay, chị G chưa trả cho bà khoản tiền gốc và khoản tiền lãi. Bà đã nhiều lần gặp chị G nhắc về số nợ trên nhưng chị G vẫn không thực hiện theo thỏa thuận. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nên

bà khởi kiện yêu cầu chị G phải trả cho bà số nợ gốc là 60.000.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh tính từ ngày 22/9/2022 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Tuy nhiên, quá trình hòa giải tại Tòa cũng như tại phiên Tòa hôm nay, bà xác định thời gian tính lãi đối với số tiền gốc được tính theo ý kiến của chị G kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng hòa giải tranh chấp đất đai giữa gia đình của bà và gia đình chị G.

Bị đơn chị Lưu Thị Trúc G trình bày: Chị thừa nhận có hỏi vay của bà C số nợ gốc trên với hình thức trả góp. Số tiền vay của bà C là do chị hỏi dùm cho một người bạn nhưng do người bạn bị bệnh nên không có khả năng trả. Vì vậy, đối với khoản nợ trên bà C yêu cầu trả, chị đồng ý nhưng với điều kiện khi nào chị có khả năng vì hiện tại chị đang thất nghiệp, không làm gì ra tiền nên không có khả năng trả cho bà C. Đối với khoản tiền lãi bà C xác định chị chưa trả là không đúng, chị vẫn đóng lãi đầy đủ cho bà C theo thỏa thuận nhưng kể từ khi tranh chấp đất đai giữa hai gia đình xảy ra, thì chị không đóng lãi nữa. Tuy nhiên, đối với khoản tiền lãi chị đã góp cho bà C trước đây do không có giấy tờ vì dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau nên chị không yêu cầu xem xét lại. Chị thông nhất trả khoản tiền lãi cho bà C nhưng tính kể từ thời điểm vụ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình chị và gia đình bà C được Ủy ban nhân dân xã H hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Hồng C khởi kiện yêu cầu chị Lưu Thị Trúc G giao trả số tiền nợ vay nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị G với tư cách là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Hồng C và chị Lưu Thị Trúc G thừa nhận với nhau: chị G còn nợ và đồng ý trả cho bà C số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng. Điều này chứng tỏ giữa bà C và chị G đã thống nhất với nhau số nợ vay nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc chị G trả số nợ gốc là 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà C còn có yêu cầu chị G trả lãi của số tiền gốc trên theo mức lãi suất do theo quy định của pháp luật. Quá trình hòa giải và tại phiên Tòa, giữa bà C và chị G thống nhất với nhau thời gian tính lãi kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai gia đình. Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã H thể hiện ngày tiến hành hòa giải là ngày 08/01/2023. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

Thời gian tính lãi là 18 tháng 23 ngày (kể từ ngày 08/01/2023 đến ngày 31/7/2024) x Mức lãi suất do pháp luật quy định là 20%/năm (quy đổi tháng là 1,6%/tháng) x 60.000.000 đồng = 18.016.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi buộc chị G trả cho bà C là 78.016.000 đồng.

Nhưng do giữa bà C và chị G không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện quyết định khi án có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày bà Huỳnh Hồng C có đơn yêu cầu thi hành án, chị Lưu Thị Trúc G không trả đủ số tiền trên thì chị G còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C được chấp nhận nên chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền: 78.016.000 đồng x 5% = 13.900.800 đồng, làm tròn là 13.901.000 đồng.

Hoàn trả lại bà C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.013.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002865 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hồng C.

Buộc chị Lưu Thị Trúc G giao trả cho bà Huỳnh Hồng C số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 18.016.000 đồng (mười tám triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày bà Huỳnh Hồng C có đơn yêu cầu thi hành án, chị Lưu Thị Trúc G không trả đủ số tiền trên thì chị G còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc chị Lưu Thị Trúc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.901.000 đồng (ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

Hoàn trả lại bà Huỳnh Hồng C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.013.000 đồng (hai triệu không trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002865 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-7-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị C Hương**